

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Phạm Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê , thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H; nơi cư trú: Số 6/12/106 L, phường L, quận N, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức D; nơi cư trú: Số 43/116 L, phường Đ, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức D về chung sống với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày

28/3/2018 chị H và anh D mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Sau một thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không quan tâm đến tình cảm của nhau, hai bên tH xuyên xảy ra xung đột dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Đến tháng 8/2019 vợ chồng sống ly thân, chị H cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến nay, qua nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị H, anh D cùng có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết công nhận việc thuận ly hôn.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh D đều có tình vắng mặt và thay đổi quan điểm mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, chị H xác định không thay đổi yêu cầu ly hôn nên chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 18/02/2018 và Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 15/01/2020. Hiện tại chị H đang nuôi dưỡng cả hai con chung. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Đức Minh K cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu anh D có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức D trình bày trong Biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 như sau:

Anh xác nhận lời trình bày của chị H về điều kiện và thời gian kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống, anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do những xung đột, va chạm nhỏ. Tuy nhiên, về phía chị H cũng có những cư xử chưa được đúng mực, hay bỏ về nhà mẹ đẻ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Anh D xác nhận hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị H, việc anh đồng ý ký nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là do trong lúc nóng giận, nên anh không đồng ý ly hôn theo quan điểm khởi kiện của chị H.

- Về con chung: Anh D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 18/02/2018 và Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 15/01/2020. Hiện tại chị H đang nuôi dưỡng cả hai con chung. Trường hợp ly hôn anh D không đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị H và đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh D không có quan điểm và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, anh Nguyễn Đức D đều vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật, anh D cũng có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của chị H và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đức D có nơi cư trú tại số 43/116 L, pH Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Đức D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân:

[4] Xét chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức D về chung sống với nhau từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/3/2018. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị H, anh D là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu của chị H, anh D đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy anh D thay đổi quan điểm, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nên Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng căn cứ quy định pháp luật đình chỉ yêu cầu tại Quyết định đình chỉ số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 và ra thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

[5] Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, gia đình chị H, gia đình anh D đều có quan điểm cho rằng vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân và tôn trọng với quyết định của chị H. Trong bản tự khai chị H cũng xác nhận vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau cả về công việc cũng như kinh tế, tình cảm vợ chồng. Mặc dù cũng đã nhiều lần vợ chồng và hai bên gia đình khuyên giải, nhưng đến nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi, ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

[6] Về phía anh D, Tòa án đã thông tin liên lạc, niêm yết, giao thông báo thụ lý trực tiếp đến nơi cư trú của anh. Tòa án đã triệu tập hòa giải tiếp cận chứng cứ hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, mặc dù anh D biết chị H có yêu cầu ly hôn. Mặt khác, trong biên bản lấy lời khai thể hiện Lúc đầu anh đồng ý ly hôn nhưng sau đó thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng lại nêu điều kiện nếu chị H chấp nhận để anh nuôi cả hai con chung thì anh đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng, chấp hành pháp luật của anh D, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật. Từ đó cho thấy lời khai của chị H trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện tại chỉ gây khó khăn, cản trở cho cuộc sống của mỗi người.

Vì vậy từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Nguyễn Đức D là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

[7] Chị H, anh D đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 18/02/2018 và Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 15/01/2020. Hiện tại chị H đang nuôi dưỡng cả hai con chung. Ly hôn chị H đề nghị giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, anh D cũng có nguyện vọng đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, tại thời điểm Tòa án xét xử, các con chung của anh D, chị H đều còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chị H đang nuôi dưỡng cả hai con chung, bản thân anh D vắng mặt và không có căn cứ chứng minh về điều kiện nuôi con của chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chung trưởng thành, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, chị H có việc làm ổn định, bản thân các cháu còn nhỏ, nên xét cần giao cả hai con chung Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Đức Minh K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D không có quan điểm, chị H không yêu cầu anh D có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không được cản trở thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung:

[9] Anh D, chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[10] Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 18/02/2018 và Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 15/01/2020 đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D không có quan điểm, chị H không yêu cầu anh D có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không được cản trở thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Anh D, chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014146 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. Đ, q. Lê Chân, Hải Phòng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng

